TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174 /2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 7 -2024
"V/v Ly hôn giữa bà Đ và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **LÊ VĂN LÂU**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Đ,** sinh năm 1979.
Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1971.
Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Đặng Thị Đ trình bày: Do quen biết, tìm hiểu nhau trước nên bà và ông T tiến đến hôn nhân năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do ông T ghen tuông vô cớ nên có những lời lẽ xúc phạm đến bà làm cho mâu thuẫn

ngày thêm trầm trọng nên hai người đã ly thân, tự thu nhập và không nói đến nhau. Bà xác định không còn tình cảm với ông T.

Con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/02/2002 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 15/11/2008, hiện đang sống cùng bà.

Tài sản chung: có nhà và quyền sử dụng đất tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nợ chung không có.

Bà Đ yêu cầu ly hôn ông T. Con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thanh D bà yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đ kiên quyết ly hôn ông T. Con chung bà để cho ông T nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T tại tờ tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn ông và bà T cùng các con vẫn sống chung nhà. Ông không ghen tuông vô cớ mà giữ im lặng mặc dù ông rất sốc và tổn thương khi phát hiện bà Đ có mối quan hệ nhiều người. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và không muốn con thiếu vắng tình thương cha mẹ. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Tại phiên tòa ông T kiên quyết không đồng ý ly hôn bà Đ mà yêu cầu để thời gian 02 năm nữa. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý nuôi con, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà Đ đồng ý giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thanh D cho ông T nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Đ và ông T tiến đến hôn nhân năm 2001 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn, hiện nay tuy còn sống chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng không quan tâm đến ai. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiến nói chung, không chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đ xác định không còn tình cảm với ông T nên kiên quyết ly hôn. Đối với ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra biện pháp gì hiệu quả để hàn gắn, bản thân ông T thừa nhận chưa xác định còn tình cảm gì với bà Đ hay không và nếu còn thì còn bao nhiêu. Từ đó cho thấy mâu thuẩn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà Đ được ly hôn với ông T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 03/02/2002 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 15/11/2008. Bà Đ đồng ý giao con chung chưa thành niên là cháu D cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng. Xét thấy, cháu D đang sống cùng ông T và việc thỏa thuận của ông bà phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không yêu cầu, bà Đ không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 15/11/2008 cho ông Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng.

Bà Đặng Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014919 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH